

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

Số: 200 /GP-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 25 tháng 5 năm 2016

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 2821/UBND-CN ngày 29/3/2016 của UBND tỉnh về việc chủ trương cho Công ty CP Kinh doanh vật tư và Xây dựng Hồng Ngọc lập hồ sơ cấp phép thăm dò, khai thác mỏ đất sét làm gạch tuynel tại xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc;

Xét Đơn và hồ sơ của Công ty CP Kinh doanh vật tư và Xây dựng Hồng Ngọc (nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường) đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản đất sét làm gạch tuynel tại xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 507/STNMT-TNKS ngày 20 tháng 5 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty CP Kinh doanh vật tư và Xây dựng Hồng Ngọc được thăm dò khoáng sản đất sét làm gạch tuynel tại xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa;

- Diện tích khu vực thăm dò là 6,1243 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 8 có tọa độ được xác định trên bản đồ kèm theo;

- Thời hạn thăm dò: 02 tháng, kể từ ngày ký Giấy phép;
- Khối lượng thăm dò: Theo đề án được chấp thuận;
- Chi phí thăm dò: Bằng nguồn vốn của đơn vị (đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước).
- Lệ phí cấp giấy phép: 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Điều 2. Công ty CP Kinh doanh vật tư và Xây dựng Hồng Ngọc có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành; thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước;

2. Thực hiện thăm dò đất sét làm gạch tuynel theo phương pháp và khối lượng đã quy định tại Điều 1 của Giấy phép, Đề án đã được UBND tỉnh chấp thuận này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường, an toàn vật liệu nổ (*trường hợp thăm dò khoáng sản có sử dụng vật liệu nổ*); thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành;

3. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản; nghiêm cấm mọi hoạt động khai thác trong quá trình thăm dò; nếu phát hiện các khoáng sản khác, phải kịp thời có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa để xử lý theo quy định;

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng đất sét làm gạch tuynel cho mục đích sử dụng. Trước khi tiến hành lấy mẫu công nghệ, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện;

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành;

6. Trình thẩm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò tại Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản của UBND tỉnh Thanh Hóa và nộp báo cáo theo quy định của pháp luật về khoáng sản; nộp báo cáo vào lưu trữ Địa chất theo quy định hiện hành.

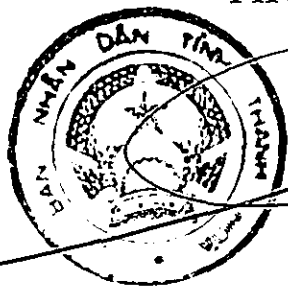
Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép này, Công ty CP Kinh doanh vật tư và Xây dựng Hồng Ngọc chỉ được phép thực hiện sau khi thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường và chính quyền địa phương để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Công ty CP KD vật tư và XD Hồng Ngọc;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (05b);
- UBND huyện Ngọc Lặc;
- UBND xã Kiên Thọ;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Giấy phép thăm dò khoáng sản này được đăng ký
nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa

Số đăng ký: ĐK/TD

Thanh Hóa, ngày..... tháng..... năm 2016

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Châu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ MỎ ĐẤT SÉT LÀM GẠCH TUYNEL
TẠI XÃ KIẾN THO, HUYỆN NGỌC LẠC, TỈNH THANH HÓA**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép thăm dò số: 200 /GP-UBND
ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN 2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰ 00', múi chiều 3 ⁰)	
	X(m)	Y(m)
1	2207834.00	544974.00
2	2207875.00	545033.00
3	2207853.00	545144.00
4	2207826.00	545223.00
5	2207777.00	545238.00
6	2207763.00	545230.00
7	2207602.00	545173.00
8	2207612.00	544953.00
Diện tích: 6,1243 ha		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

KHỐI LƯỢNG CÁC HẠNG MỤC CÔNG TÁC THĂM DÒ CHỦ YẾU

(Phụ lục kèm theo Giấy phép thăm dò số: 200 /GP-UBND
ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
I	Công tác địa chất			
	Lập bản đồ ĐCKS tỷ lệ 1/2000			
	- Ngoài trời	km ²	0,061243	
	- Trong phòng	km ²	0,061243	
II	Công tác ĐCTV - ĐCCT			
	Quan trắc ĐCTV - ĐCCT kết hợp			
	- Ngoài trời	km ²	0,061243	
	- Trong phòng	km ²	0,061243	
III	Công tác trắc địa			
1	Lập đường truyền đa giác II	km	6,3	
2	Lập bản đồ địa hình 1/2.000			
	- Ngoài trời	km ²	0,075	
	- Trong phòng	km ²	0,075	
3	Định tuyến trực (KCC 100m)	km	0,360	
4	Đo mặt cắt (KCC 20m)	km	0,833	
5	Đo thu công trình	c.trình	15	
IV	Công tác khoan			
	Khoan máy	m	98	
V	Lấy mẫu			
1	Mẫu hóa	mẫu	25	
2	Lấy mẫu sản xuất thử	mẫu	1	(Chủ đầu tư thực hiện)
VI	Gia công và phân tích mẫu			
1	Phân tích mẫu hoá cơ bản (SiO ₂ , Al ₂ O ₃ , Fe ₂ O ₃ , CaO, MgO, KMN)	mẫu	25	
2	Cơ lý đất (04 chỉ tiêu)	mẫu	5	
3	Cơ lý đất (09 chỉ tiêu)	mẫu	9	
4	Phân tích mẫu gạch (Rn, Ru, W)		1	
VII	Ứng dụng tin học			
1	Số hoá bản đồ chuyên môn tỷ lệ 1/2000	mảnh	0,5	
2	Số hoá mặt cắt tương ứng 0,2 mảnh	mảnh	0,2	
3	Số hoá 15 thiết đồ tương ứng 0,15 mảnh	mảnh	0,15	